

CHIỀU TỐI

(Mộ)

A – MỤC TIÊU BÀI HỌC

Giúp HS :

- Thấy được vẻ đẹp của tâm hồn Hồ Chí Minh : dù hoàn cảnh khắc nghiệt đến đâu vẫn luôn hướng về sự sống và ánh sáng.
- Cảm nhận được bút pháp tả cảnh ngụ tình vừa cổ điển vừa hiện đại của bài thơ.

B – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

I – NỘI DUNG

1. Đặc điểm bài học

– Đây là bài thơ thứ 31 của tập *Nhật kí trong tù*, được Bác sáng tác vào cuối mùa thu năm 1942, trên đường từ Tĩnh Tây đến Thiên Bảo. Đó là một buổi chiều tối, dù đã trải qua một ngày dài gian lao, vất vả nhưng Bác vẫn còn tiếp tục bị bọn lính áp giải trên đường và trước mắt là một đêm trong nhà giam chật hẹp, bẩn thỉu, lại “Được cùm chân mới yên bề ngủ – Không được cùm chân biết ngủ đâu” ; nói cách khác, ở thời điểm chiều tối ấy, những đày đoạ ban ngày vẫn chưa qua và những đày đoạ ban đêm thì sắp tới. Vậy mà trong cả bài thơ không hề thấy có một từ ngữ, một chi tiết, một hình ảnh nói về cảnh tù đày đau khổ, chỉ có một khung cảnh thiên nhiên thanh bình, êm ả, một hồn thơ ung dung, thư thái, hướng về sự sống, hướng về ánh sáng và niềm vui giản dị trong lao động của con người.

– Bài thơ này rất tiêu biểu cho thơ trữ tình của Hồ Chí Minh : Nhà thơ không trực tiếp bộc lộ cảm nghĩ nội tâm mà biểu hiện qua cách cảm nhận hình ảnh, cảnh vật khách quan. Do đó khi phân tích, phải chú ý tới giá trị tư tưởng – nghệ thuật của từng chi tiết, từng hình ảnh và mối quan hệ của chúng với nhau.

– Nên đối chiếu phần dịch thơ với phần phiên âm và dịch nghĩa để thấy rõ chỗ đạt, chỗ chưa đạt của bản dịch và hiểu đúng nguyên tác.

2. Trọng tâm bài học

– Làm nổi bật vẻ đẹp sinh động của bức tranh thiên nhiên (hai câu đầu) và bức tranh đời sống của con người (hai câu sau).

– Qua bức tranh cảnh vật, thấy được những nét đẹp tâm hồn của một nhà thơ chiến sĩ : lòng yêu thiên nhiên, yêu con người, yêu cuộc sống, phong thái ung dung

tự chủ và niềm lạc quan, nghị lực kiên cường vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt, tối tăm.

– Bài thơ mang vẻ đẹp cổ điển ở thể thơ tứ tuyệt hàm súc, hình ảnh đậm tính ước lệ, tượng trưng, bút pháp gợi tả, chấm phá, cốt ghi lấy linh hồn của tạo vật. Tính hiện đại thể hiện ở việc miêu tả con người như là trung tâm của bức tranh thiên nhiên, ở mạch thơ vận động hướng về sự sống và ánh sáng.

II – PHƯƠNG PHÁP VÀ TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Phương pháp dạy học

– Yêu cầu HS đọc kĩ bài thơ (cả ba phần : phiên âm, dịch nghĩa, dịch thơ), nhận xét, so sánh bản dịch thơ và nguyên tác, chú ý những chỗ chưa sát, thiếu hoặc thừa ý.

– Hướng dẫn HS cách cảm nhận giá trị của bài thơ bắt đầu từ hoàn cảnh sáng tác : hình dung bối cảnh cụ thể ; đặt mình vào vị trí tác giả mà tưởng tượng, đồng cảm ; xác định điểm nhìn trong quan sát cảnh vật ; khám phá tâm tư, tình cảm của người tả cảnh.

– Có thể chia bài thơ làm hai phần : bức tranh thiên nhiên (hai câu đầu), bức tranh đời sống (hai câu sau). Nêu câu hỏi cho từng phần, cho HS phát biểu cảm nghĩ, đối thoại, GV gợi mở, dẫn dắt, khái quát, tổng kết để khám phá nội dung, nghệ thuật biểu hiện, ý nghĩa của từng hình ảnh, từng câu thơ và bức tranh toàn cảnh.

2. Tiến trình tổ chức dạy học

Phân tích bài thơ theo hướng gợi ý của bốn câu hỏi phần *Hướng dẫn học bài*.

Câu 1

So sánh bản dịch thơ với bản dịch nghĩa, đối chiếu với nguyên tác có thể thấy câu 1 dịch đạt ; câu 2 không dịch được chữ *cô* trong *cô vân*, *mạn mạn* dịch *trôi nhẹ* chưa đúng ; câu 3 thừa chữ *tối* ; câu 4 dịch tương đối thoát ý.

Câu 2

Chiều tối là thời khắc cuối cùng của một ngày và với một tù nhân như Bác, đây cũng là chạng cuối cùng của một ngày đày ải. Thời gian và hoàn cảnh như thế dễ gây nên trạng thái mệt mỏi, chán chường, vậy mà ở đây cảm hứng thơ lại đến với Bác thật tự nhiên. Đường như lúc ấy người đi ngược mắt nhìn lên bầu trời và chợt thấy cánh chim mới mệt bay về tổ ấm, chòm mây chậm chậm trôi qua lưng trời – khung cảnh thiên nhiên đã được phác họa bằng những nét chấm phá theo bút pháp cổ điển (dùng *điểm* nói *diện*). Trong cảnh tượng ấy, tuy bài thơ không tả màu sắc mà người đọc vẫn cảm thấy rừng núi chiều tối thật âm u, không hề gợi âm thanh mà nghe thật vắng vẻ, quạnh hiu.

Trong thơ ca cổ điển phương Đông, cánh chim bay về tổ, về núi rừng thường mang ý nghĩa là biểu tượng cho buổi chiều tà : “Chim bay về núi, tối rồi” (*Ca dao*), “Chim hôm thoi thót về rừng” (*Truyện Kiều*)... Như vậy, cánh chim chiều vừa mang ý nghĩa không gian, vừa mang ý nghĩa thời gian. Trong thơ Bác cũng thế, có khác chăng ở đây không phải cánh chim *bay* (quan sát trạng thái vận động bên ngoài của sự vật) mà là cánh chim *mỏi* (cảm nhận rất sâu trạng thái bên trong của sự vật, một cảm nhận của con người hiện đại trên cơ sở ý thức sâu sắc của cái tôi cá nhân trước ngoại cảnh). Có thể thấy một sự gần gũi, tương đồng : Suốt một ngày bay đi kiếm ăn, cánh chim đã mỏi và người tù cũng mỏi mệt sau một ngày vất vả lê bước đường trường – trong ý thơ ấy có biết bao sự hoà hợp, cảm thông giữa tâm hồn nhà thơ với cảnh vật thiên nhiên. Cội nguồn của sự cảm thông ấy chính là tình yêu thương mệnh mông của Bác dành cho mọi sự sống trên đời.

Câu thơ tiếp theo cần hiểu đúng nghĩa là “Chòm mây lẻ loi lững lờ trôi qua lưng trời” (bản dịch đã không diễn tả được vẻ đơn độc và nhịp bay chậm chậm của chòm mây qua những chữ *cô vân mạn mạn*). Câu thơ gợi nhớ thơ Thôi Hiệu “Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay” (*Hoàng Hạc lâu*) và thơ Nguyễn Khuyến “Tầng mây lơ lửng trời xanh ngắt” (*Thu điếu*) ; có điều, trong thơ Bác đó không phải là áng mây trắng *ngàn năm* gợi sự vĩnh hằng, cũng không phải là tầng mây *lơ lửng* gợi sự không vĩnh viễn mà mang bao nỗi khắc khoải mơ hồ của con người trước cõi hư không. Đây chỉ là một chòm mây quen thuộc trên bầu trời, nó gợi cảm rất nhiều về cái cao rộng, trong trẻo, êm ả của một chiều thu nơi núi rừng Quảng Tây. Với chòm mây ấy, không gian như mệnh mông vô tận và thời gian như ngừng trôi. Phải có một tâm hồn thật ung dung, thư thái thì người tù mới có thể dõi theo một chòm mây thong thả giữa bầu trời bao la. Hơn thế, chòm mây như có hồn người, như mang tâm trạng, nó cô đơn, lẻ loi và lặng lẽ, lững lờ trôi giữa không gian rộng lớn của trời chiều, nó mang nỗi buồn trong cảnh ngộ chia lìa : cánh chim mãi miết bay về rừng xanh, chòm mây trôi chậm chậm như ở lại giữa tầng không.

Hai câu này gợi tới hai câu trong bài *Độc toạ Kính Đình sơn (Một mình ngồi trên núi Kính Đình)* của Lí Bạch :

*Chúng điểu cao phi tận
Cô vân độc khứ nhàn.*

Xuân Diệu dịch :

*Bầy chim một loạt bay cao
Lưng trời thơ thẩn đám mây một mình.*

Có thể thấy, nếu cánh chim trong thơ Lí Bạch bay mất hút vào cõi vô tận thì trong thơ Bác đó là cánh chim của đời sống hiện thực, nó bay theo cái nhịp điệu bất tận của cuộc sống : sáng bay đi kiếm ăn, tối bay về rừng tìm chốn ngủ. Áng mây của Lí Bạch bay nhàn tản gợi cảm giác thoát tục, còn áng mây trong bức tranh

cánh chiều hôm của Bác toát lên cái vẻ yên ả, thanh bình của đời sống thường ngày. Dù sao, hai câu thơ vẫn thấm thía nỗi buồn vì cảnh buồn và người buồn, vì cánh chim bay về tổ gợi niềm ước mong sum họp, chòm mây đơn độc trôi chậm chậm về phía trời xa gợi thân phận lênh đênh trôi dạt nơi đất khách quê người, vì không biết tới bao giờ nhà thơ mới được tự do như cánh chim và chòm mây trên bầu trời kia. Tuy vậy, vẻ đẹp cổ điển của hai câu thơ đã thể hiện bản lĩnh kiên cường của người chiến sĩ, bởi vì nếu không có ý chí và nghị lực, không có phong thái ung dung tự chủ và sự tự do hoàn toàn về tinh thần thì không thể có những câu thơ cảm nhận thiên nhiên thật sâu sắc và tinh tế như thế trong hoàn cảnh khắc nghiệt của tù đày.

Câu 3

Nếu trong hai câu đầu, cảnh vật hiện ra trong những nét vẽ chấm phá, phần nào mang tính chất ước lệ cổ điển thì hình ảnh người phụ nữ lao động ở đây lại được gọi tả một cách cụ thể, sinh động như một bức tranh hiện thực. Chính nét vẽ đời thường ấy làm cho bài thơ thêm đáng về hiện đại, hơn thế, trong sự hình dung về cụ li, khoảng cách với cánh chim và chòm mây (ở viễn cảnh), hình ảnh cô gái xay ngô, hình ảnh con người (ở cận cảnh) nổi bật lên như là trung tâm của bức tranh thiên nhiên.

Bức tranh vẽ cái thời khắc đầu đêm bên xóm núi cho thấy Bác đã quên cảnh ngộ đau khổ của mình để cảm nhận cuộc sống của nhân dân. Nó nói lên sự quan tâm, tình thương của Bác với những người lao động nghèo mà sự làm việc nặng nhọc được biểu hiện qua âm điệu khắc khổ của lời thơ. Câu thơ thứ ba nguyên nghĩa là “Cô gái xóm núi xay ngô” – đó là một câu miêu tả chân thật, giản dị như đời sống hàng ngày. Đến đây bài thơ từ bức tranh thiên nhiên chuyển sang bức tranh đời sống, từ cảnh trời mây chim muông chuyển sang cảnh con người và lại là con người lao động – đây là xu hướng vận động trong cấu trúc của bài thơ. Thực ra trong những bài thơ vịnh cảnh chiều hôm nổi tiếng thời xưa cũng thấp thoáng bóng người :

Lom khom dưới núi, tiều vài chú

Lác đác bên sông, chợ mấy nhà.

(Bà Huyện Thanh Quan, *Qua Đèo Ngang*)

Nhưng ở đó có con người mà thiếu vắng sự sống, hình ảnh con người chỉ làm tôn thêm cái hùng vĩ, hoang sơ của đất trời thiên nhiên. Còn ở đây, trong bài thơ của Bác, hình ảnh cô gái xay ngô toát lên vẻ trẻ trung, khoẻ mạnh, sống động và chính cuộc sống lao động bình dị đó càng trở nên đáng quý, đáng trân trọng biết bao giữa núi rừng chiều tối âm u, heo hút. Nó đưa lại cho người đi đường lúc chiều hôm chút hơi ấm của sự sống, chút niềm vui và hạnh phúc trong lao động của con người, con người ấy tuy vất vả mà tự do.

Những chữ *ma bao túc* ở cuối câu 3 được điệp vòng ở đầu câu 4 *bao túc ma hoàn* đã tạo nên sự nối âm liên hoàn, nhịp nhàng như diễn tả cái vòng quay không dứt của động tác xay ngô – qua đó có thể thấy cô gái thật chăm chỉ, kiên nhẫn, cần mẫn với công việc của mình. Đáng chú ý hơn, đến câu thơ này, không gian rộng mở ban đầu ngày càng được thu nhỏ lại : từ cảnh trời mây bao la đến cảnh cô gái xay ngô và cuối cùng là cảnh bếp lửa hồng. Đồng thời câu thơ cũng xác định rõ hơn sự vận động của thời gian, nói như GS. Lê Trí Viễn : “Nguyên văn không nói đến tối mà tự nhiên nói đến : thời gian trôi dần dần theo cánh chim và làn mây, theo những vòng xoay của cối ngô, quay quay mãi, “ma bao túc... bao túc ma hoàn...” và đến khi cối xay dừng lại thì *lò dĩ hồng*, lò đã rực hồng, tức trời tối, trời tối thì lò rực lên”⁽¹⁾. Như vậy, bếp lửa của cô gái xay ngô đã hồng lên, nghĩa là buổi chiều êm ả đã kết thúc để bước vào đêm tối, nhưng không phải đêm tối lạnh lẽo, âm u (theo quy luật cảm nhận của người xưa : *ám ngày lạnh tối*) mà là đêm tối ấm áp, bừng sáng bởi ngọn lửa hồng. Nếu hình dung cả bài thơ là một bức tranh thì chính cái chấm lửa đỏ mà người nghệ sĩ tài hoa chấm lên đó đã mang lại thần sắc cho toàn cảnh, dường như nó làm tăng thêm niềm vui và sức mạnh cho người đang cất bước trên đường xa.

Cô gái, bếp lửa gọi tới cảnh gia đình, ngô hạt xay xong, bếp đỏ hồng lại gọi tới công việc, sự nghỉ ngơi và sum họp – thấp thoáng trong những hình ảnh ấy như có một ước mơ thầm kín về mái ấm gia đình của người đang lưu lạc xa nhà, xa đất nước quê hương. Đây là tâm hồn nhà cách mạng đã vượt lên hoàn cảnh khắc nghiệt để đồng cảm với niềm vui đời thường. Bài thơ đã vận động từ ánh chiều âm u, tăm tối đến ánh lửa rực hồng, ấm áp, từ nỗi buồn đến niềm vui. Nó cho thấy cái nhìn tràn đầy niềm lạc quan yêu đời và tình yêu thương nhân dân của một con người “Nâng niu tất cả, chỉ quên mình” (Tố Hữu, *Theo chân Bác*).

Câu 4

Nghệ thuật tả cảnh trong bài thơ vừa có nét cổ điển (bút pháp chấm phá, ước lệ với những thi liệu xưa cũ) vừa có nét hiện đại (bút pháp tả thực sinh động với những hình ảnh dân dã đời thường). Ở đây chủ yếu là gọi tả chứ không phải là miêu tả, cho nên tính chất cô đọng, hàm súc rất cao.

Ngôn ngữ trong bài thơ được sử dụng rất linh hoạt và sáng tạo. Một số từ ngữ vừa gọi tả vừa gọi cảm (*quyện điểu, cô vân*). Biện pháp điệp vòng ở câu 3 và câu 4. Chữ *hồng* được coi là chữ *thần*. Hoàng Trung Thông viết : “Chữ *hồng* trong nghệ thuật thơ Đường người ta gọi là “con mắt của thơ” (thi nhãn) hoặc là “nhãn tự” (chữ có mắt), nó sáng bừng lên, nó cân lại, chỉ một chữ thôi, với hai mươi bảy chữ

(1) Đọc lại bản dịch *Nhật kí trong tù*, tạp chí *Tác phẩm mới*, số 8 – 1970.

khác dầu nặng đến mấy đi chăng nữa. Với chữ *hồng* đó, có ai còn cảm giác nặng nề, mệt mỏi, nhọc nhằn nữa đâu, mà chỉ thấy màu đỏ đã nhuộm lên cả bóng đêm, cả thân hình, cả lao động của cô gái đáng yêu kia”⁽¹⁾.

III – KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ – GỢI Ý GIẢI BÀI TẬP

1. Kiểm tra, đánh giá

– Yêu cầu HS học thuộc cả phần phiên âm và dịch thơ, chú ý hiểu đúng nghĩa từng từ trong nguyên tác.

– Cho HS cả lớp tự ra đề về bài *Chiều tối*. Từng HS (hoặc một số HS) trình bày đề và nêu vấn đề hướng giải quyết của mình về đề văn đó.

2. Gợi ý giải bài tập

Bài tập 1

Cảm quan biện chứng của người chiến sĩ cách mạng biểu hiện ở cách nhìn cuộc sống trong sự vận động tất yếu hướng tới cái tốt đẹp, tươi sáng. Sự vận động từ hai câu đầu đến hai câu sau : cảnh vật (cánh chim về rừng, chòm mây trôi về phía trời xa, chiều dần sang tối với ánh lửa hồng, từ lạnh lẽo, âm u đến ấm áp, bừng sáng,...) ; lòng người (từ nỗi buồn đến niềm vui,...). Sự vận động đó cho thấy niềm lạc quan yêu đời, niềm tin vào tương lai tươi sáng của người chiến sĩ cách mạng.

Bài tập 2

HS có thể tự chọn theo ý của mình. Tuy nhiên, trong bài *Chiều tối*, hình ảnh đẹp nhất, thể hiện tập trung về đẹp tâm hồn Hồ Chí Minh là hình ảnh cô gái xay ngô và bếp lửa hồng. Khai thác ý trả lời bài tập này từ phần trả lời câu 3, phần *Hướng dẫn học bài*.

*Bài tập 3**

Phân tích hai câu thơ của Hoàng Trung Thông để thấy những bài thơ trong *Nhật kí trong tù* của Bác luôn có sự hài hoà chất thép và chất tình (dũng khí kiên cường và tình cảm dạt dào với thiên nhiên, cuộc sống, con người).

Dựa vào *Tiến trình tổ chức dạy học* để trả lời câu hỏi này.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả, *Một số bài giảng thơ văn Chủ tịch Hồ Chí Minh*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1984. (Bài của Nguyễn Hoàn Khung viết về *Chiều tối*)

2. Nhiều tác giả, *Nhật kí trong tù*, NXB Văn hoá – Thông tin, Hà Nội, 2002. (Bài của Mã Giang Lân viết về *Chiều tối*)

(1) *Bác Hồ làm thơ và thơ của Bác*, báo *Văn nghệ*, số 35 – 1976.